

Chương: 412

**CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NSNN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KL ngày /04/2026 của Chi cục Kiểm lâm Bắc Ninh)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số.26/2026/TT-BTC ngày 25.tháng.03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Ninh công khai quyết toán dự toán thu-chỉ ngân sách năm 2025 như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Tổng số liệu Báo cáo năm	Tổng số liệu QT được duyệt	Chênh lệch	
<b>A</b>	<b>PHẦN THU</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí và thu khác ( xử phạt VPHC)</b>	<b>48.450.000</b>	<b>48.450.000</b>	-	
<b>1</b>	<b>Phí</b>	<b>7.200.000</b>	<b>7.200.000</b>	-	
	+ Thâm định nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp	7.200.000	7.200.000	-	
<b>2</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	-	
	Lệ phí hợp chuẩn hợp quy	600.000	600.000	-	
<b>3</b>	<b>Thu xử phạt hành chính</b>	<b>40.650.000</b>	<b>40.650.000</b>		
<b>II</b>	<b>Chi từ thu phí để lại</b>	<b>12.549.500</b>	<b>12.549.500</b>	-	
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp</b>		0	-	
	KP thường xuyên		0	-	
	KP không thường xuyên		0	-	
<b>2</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>		0	-	
	KP giao thực hiện chế độ tự chủ	5.760.000	5.760.000	-	
	- Số thu phí năm trước được để lại chi chuyển sang	6.789.560	6.789.560		
	- Số thu phí được để lại trong năm	5.760.000	5.760.000		
	<b>- Số đã chi trong năm</b>	<b>12.549.500</b>	<b>12.549.500</b>		
	- Số kinh phí được để lại chi chuyển năm sau	304.000	304.000		
	KP giao không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN và số thu XPHC</b>	<b>42.690.000</b>	<b>42.690.000</b>	-	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>1.440.000</b>	<b>1.440.000</b>	-	
	+ Thâm định nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp	1.440.000	1.440.000	-	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>	-	
	Lệ phí hợp chuẩn hợp quy	600.000	600.000	-	
<b>3</b>	<b>Thu xử phạt hành chính</b>	<b>40.650.000</b>	<b>40.650.000</b>		
<b>B</b>	<b>PHẦN CHI</b>	<b>64.297.056.952</b>	<b>64.297.056.952</b>	-	
<b>I</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>43.761.245.886</b>	<b>43.761.245.886</b>	-	
	Chi cục Kiểm lâm	43.761.245.886	43.761.245.886	-	
	<b>* Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>43.761.245.886</b>	<b>43.761.245.886</b>	-	
	<b>* Kinh phí không tự chủ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	17.956.707.408	17.956.707.408	-	
	- Kinh phí không tự chủ	25.804.538.478	25.804.538.478	-	
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>20.436.238.066</b>	<b>20.436.238.066</b>	-	
	- <b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-	
	- <b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>20.436.238.066</b>	<b>20.436.238.066</b>	-	
	+ Kinh phí không thường xuyên	20.436.238.066	20.436.238.066	-	
<b>III</b>	<b>CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>	<b>99.573.000</b>	<b>99.573.000</b>	-	
	<b>* Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>99.573.000</b>	<b>99.573.000</b>	-	
	Chi cục Kiểm lâm	99.573.000	99.573.000	-	
	- Kinh phí chi không thường xuyên	99.573.000	99.573.000	-	
	<b>Chi tiết từng đơn vị:</b>				
<b>1</b>	<b>Văn phòng Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>99.573.000</b>	<b>99.573.000</b>	-	
	+ Kinh phí không thường xuyên	99.573.000	99.573.000	-	

